SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **TRƯỜNG THPT NGÔ MÂY**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 90a/QĐ-THPTNM	*Kon Tum, ngày 12 tháng 12 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
BAN HÀNH KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI QUYẾT ĐỊNH SỐ 213/QĐ-TTG CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN TỔNG KIỂM KÊ TÀI SẢN CÔNG TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ, TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG DO NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ, QUẢN LÝ.

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT NGÔ MÂY

Căn cứ Quyết định số 213/QĐ-TTg ngày 01/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý;

Căn cứ Quyết định số 798/QĐ-BTC ngày 05/4/2024 của Bộ Tài chính về Kế hoạch triển khai Quyết định số 213/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý;

Căn cứ công văn số 709/SGDĐT - KHTC ngày 12/04/2024 của Sở Giáo Dục và Đào Tạo về triển khai thực hiện Đề án tổng kiểm kê tài sản công tại văn phòng Sở và các đơn vị trực;

Căn cứ Kế hoạch số1605/KH-UBND ngày 09/05/2024 của UBND tỉnh Kon Tum về Kiểm kê tài sản công tại các cơ quan đơn vị tổ chức, đơn vị tài sản, kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý của tỉnh Kon Tum;

Theo đề nghị của bộ phận kế toán trường THPT Ngô Mây.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 213/QĐ-TTg ngày 01 tháng 03 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng ban quản lý cơ sở vật chất, Tổ trưởng tổ chuyên môn, các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: - BGH (theo dõi, chỉ đạo); - Như Điều 3 (để thực hiện); - Lưu VP,KT;	**HIỆU TRƯỞNG** SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH KON TUM TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NGÔ MÂY **Lê Thanh Bình**

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **TRƯỜNG THPT NGÔ MÂY**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do – Hạnh phúc**
Số: 68a /KH- THPTNM	*Kon Tum, ngày 12 tháng 12 năm 2024*

KẾ HOẠCH
V/v Triển khai đề án tổng kiêm kê tài sản công năm 2024 của trường THPT Ngô Mây

Căn cứ Quyết định số 213/QĐ-TTg ngày 01/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý;

Căn cứ Quyết định số 798/QĐ-BTC ngày 05/4/2024 của Bộ Tài chính về Kế hoạch triển khai Quyết định số 213/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý;

Căn cứ công văn số 709/SGDĐT - KHTC ngày 12/04/2024 của Sở Giáo Dục và Đào Tạo về triển khai thực hiện Đề án tổng kiểm kê tài sản công tại văn phòng Sở và các đơn vị trực;

Căn cứ Kế hoạch số1605/KH-UBND ngày 09/05/2024 của UBND tỉnh Kon Tum về Kiểm kê tài sản công tại các cơ quan đơn vị tổ chức, đơn vị tài sản, kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý của tỉnh Kon Tum;

Trường THPT Ngô Mây ban hành Kế hoạch triển khai Đề án tổng kiểm kê tài sản công tài sản kết cấu hạ tầng do nhà nước đầu tư, quản lý thuộc phạm vi quản lý của trường THPT Ngô Mây như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU, TIẾN ĐỘ:

1. Mục đích.

1.1. Thực hiện có hiệu quả các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính về Đề án tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý thuộc phạm vi quản lý của của trường THPT Ngô Mây.

1.2. Kết quả tổng kiểm kê tài sản công là cơ sở để của trường THPT Ngô Mây nắm được thực trạng của tài sản công tại cơ quan, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý về các mặt số lượng, giá trị, cơ cấu, hiện trạng sử dụng…. Trên cơ sở đó, từng bước hoàn thiện hoặc kiến nghị hoàn thiện hệ thống cơ chế chính sách về quản lý, sử dụng tài sản công, xử lý, khắc phục dứt điểm các tồn tại, hạn chế và đề xuất, triển khai các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng và khai thác hiệu quả tài sản công của của trường THPT Ngô Mây trong giai đoạn tiếp theo; phục vụ công tác báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công, cung cấp thông tin để lập báo cáo tài chính nhà nước, báo cáo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định của pháp luật.

2. Yêu cầu.

2.1. Phổ biến, quán triệt đầy đủ các nội dung của Quyết định số 213/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý; Quyết định số 798/QĐ-BTC ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành kế hoạch triển khai Quyết định số 213/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý. Công văn số 709/SGDĐT - KHTC ngày 12/04/2024 của Sở Giáo Dục và Đào Tạo về triển khai thực hiện Đề án tổng kiểm kê tài sản công tại văn phòng Sở và các đơn vị trực thuộc. Kế hoạch số 1605/KH-UBND ngày 09/05/2024 của UBND tỉnh Kon Tum về Kiểm kê tài sản công tại các cơ quan đơn vị tổ chức, đơn vị tài sản, kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý của tỉnh Kon Tum.

2.2. Xác định cụ thể các nội dung công việc, thời hạn và tiến độ hoàn thành, trách nhiệm được phân công để bảo đảm việc tổ chức, triển khai thực hiện công tác kiểm kê tài sản công nghiêm túc, chất lượng, hiệu quả, đúng tiến độ thời gian, trách nhiệm được phân công.

2.3. Công tác kiểm kê phải được thực hiện đồng bộ, thống nhất trên phạm vi trường thpt Ngô Mây. Tài sản thuộc tổ bộ phận, cá nhân nào quản lý thì tổ bộ phận, cá nhân đó chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện kiểm kê, tổng hợp số liệu để báo cáo tổng hợp chung.

3. Tiến độ thực hiện:

Đến ngày 30/12/2024 chuẩn bị hoàn thành các thủ tục và họp phân công cụ thể và bước qua ngày 31/12/2024 cho đến 0h ngày 01/01/2025 hoàn thành công việc kiểm kê tài sản công, hoàn thành chốt số liệu.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG:

1. Phạm vi:

Tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công **đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định** theo quy định tại Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính *(trừ tài sản đặc biệt tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, tài sản thuộc danh mục bí mật nhà nước)*, gồm: Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp *(bao gồm cả quyền sử dụng đất xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp)*, xe ô tô, tài sản cố định đặc thù, tài sản quy định tại mục A Phụ lục kèm theo Quyết định số 213/QĐ-TTg ngày 01/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Đối tượng thực hiện kiểm kê:

Đối với tất cả các tài sản công thuộc phạm vi quản lý và được giao quyền sử dụng của trường THPT Ngô Mây.

III. THỜI ĐIỂM VÀ NGUYÊN TẮC KIỂM KÊ.

1. Thời điểm kiểm kê (Thời điểm chốt số liệu kiểm kê): 0h ngày 01 tháng 01 năm 2025.

2. Nguyên tắc kiểm kê:

a) Tài sản thuộc phạm vi kiểm kê là tất cả các tài sản công thuộc phạm vi quản lý và được giao quyền sử dụng của trường THPT Ngô Mây, trừ các tài sản sau đây:

- Tài sản mà tại thời điểm kiểm kê đang trong quá trình đầu tư xây dựng, mua sắm, chưa hoàn thành đưa vào sử dụng; tài sản hình thành sau thời điểm kiểm kê.

b) Đối với tài sản đang được theo dõi, hạch toán trên sổ kế toán nhưng tại thời điểm kiểm kê thực tế không còn tại cơ quan thì cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang theo dõi, hạch toán tài sản có trách nhiệm xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền để xử lý tài sản phát hiện thiếu theo quy định của pháp luật có liên quan; không tổng hợp giá trị của các tài sản này vào giá trị tài sản kiểm kê.

c) Đối với các tài sản nhà trường đang quản lý, sử dụng thực tế tại thời điểm kiểm kê, việc xác định giá trị tài sản kiểm kê được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Đối với các tài sản đã được theo dõi trên sổ kế toán thì xác định giá trị tài sản theo nguyên giá và giá trị còn lại của tài sản trên sổ kế toán tại thời điểm kiểm kê.

- Đối với tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán thì nhà trường đang quản lý, tạm quản lý tài sản có trách nhiệm căn cứ vào các hồ sơ liên quan đến tài sản để xác định giá trị tài sản. Trường hợp đã có quy định về bảng giá hoặc giá quy ước thì sử dụng Bảng giá, giá quy ước đó và các thông tin về số năm đưa vào sử dụng, tỷ lệ khấu hao/hao mòn tài sản theo quy định để xác định nguyên giá tài sản và giá trị còn lại của tài sản. Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định nguyên giá, giá trị còn lại để phục vụ tổng kiểm kê.

- Đối với tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán và không có căn cứ để xác định giá trị tài sản thì xác định nguyên giá và giá trị còn lại của tài sản là 1 đồng. Nguyên giá và giá trị còn lại xác định là 1 đồng chỉ được sử dụng để phục vụ việc tổng kiểm kê. Sau khi hoàn thành việc kiểm kê, bộ phận đang quản lý, tạm quản lý tài sản có trách nhiệm đánh giá lại giá trị tài sản để thực hiện hạch toán theo quy định của pháp luật hiện hành.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN KIỂM KÊ:

1.Thành lập ban kiểm kê lần 1 để rà soát lại tất cả tài sản, thiết bị dạy học hiện có.

- Sau khi có kết quả kiểm kê lần 1, tiến hành thanh lý, điều chuyển ghi giảm tài sản theo quy định. Thành lập tổ kiểm kê lần 2 và chốt số liệu 0h ngày 01 tháng 01 năm 2025.

2. Nhiệm vụ kiểm kê:

- Kiểm kê tài sản thực tế hiện có đối chiếu số liệu phản ánh trong sổ sách về số lượng, chất lượng, giá trị và giá trị còn lại của từng loại tài sản.

- Ban kiểm kê lập biên bản đề nghị thanh lý đối với tài sản hư hỏng không sửa chữa được; những tài sản chênh lệch (thiếu, thừa) giữa số liệu kiểm kê với sổ sách kế toán, Ban kiểm kê lập biên bản đề nghị Hiệu trưởng có biện pháp xử lý.

- Tổng hợp, xử lý số liệu kiểm kê, ghi cụ thể vào biên bản kiểm kê tài sản thừa, thiếu, chênh lệch số liệu, giá trị giữa sổ sách với thực tế, tài sản cần thanh lý, điều chuyển....

- Sau khi hoàn tất việc kiểm kê, ban kiểm kê tiến hành cập nhật kết quả kiểm kê vào biên bản kiểm kê và in các loại biểu mẫu báo cáo.

- Báo cáo kết quả kiểm kê nộp lại cho bộ phận Kế toán.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIIỆN:

1. Đối với Lãnh đạo nhà trường:

- Triển khai tuyên truyền Quyết định số 213/QĐ-TTg ngày 01/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý cho tất cả cán bộ, viên chức trong nhà trường.

- Ban hành quyết định thành lập Ban kiểm kê tài sản.

- Phân công các thành viên thực hiện việc kiểm kê.

- Ký duyệt các hồ sơ, sổ sách.

2. Đối với kế toán, cán bộ phụ trách thiết bị:

- Chuẩn bị đầy đủ mẫu biểu, các bước thực hiện, kiểm kê… gửi các thành viên.

- Tổng hợp kết quả kiểm kê trình Hiệu trưởng duyệt đúng thời gian quy định.

3. Các thành viên còn lại: Thực hiện tốt công việc được phân công.

Trên đây là kế hoạch triển khai đề án tổng kiêm kê tài sản công năm 2024 của trường THPT Ngô Mây. Đề nghị các tổ trưởng chuyên môn, văn phòng và cán bộ giáo viên nhân viên thực hiện tốt kế hoạch này.

Nơi nhận :
- Hiệu trưởng. Phó Hiệu trưởng(triển khai/ theo dõi);
- Cán bộ, viên chức trường THPT Ngô Mây (thực hiện);
- Đăng tải trên trang thông tin điện tử;
- Lưu VT,KT.

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH KON TUM
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NGÔ MÂY

Lê Thanh Bình

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ -------	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------
Số: 213/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 01 tháng 3 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN TỔNG KIỂM KÊ TÀI SẢN CÔNG TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ, TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG DO NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ, QUẢN LÝ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Quốc hội về việc đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý (sau đây gọi tắt là Đề án) với những nội dung chính như sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý là cơ sở vật chất để phục vụ công tác quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công cho xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và phát triển kinh tế - xã hội. Việc tổng kiểm kê đối với các tài sản này là nhiệm vụ, giải pháp quan trọng để nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy nguồn lực tài sản công trong nền kinh tế, tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng chống tham nhũng, tiêu cực.

2. Việc tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý phải được thực hiện đồng bộ, thống nhất trên cả nước.

3. Tài sản thuộc cấp nào quản lý thì cấp đó chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện kiểm kê, tổng hợp số liệu để báo cáo tổng hợp chung. Các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm tổng hợp kết quả kiểm kê của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

4. Việc kiểm kê được thực hiện theo chỉ tiêu hiện vật và giá trị của tài sản, ghi nhận hiện trạng quản lý, sử dụng đối với tài sản công tại thời điểm kiểm kê để đề xuất các giải pháp và cách thức quản lý phù hợp; các tài sản có sự trùng lắp về cách phân loại giữa các loại tài sản thuộc phạm vi kiểm kê thì chỉ xếp vào một loại tài sản để kiểm kê, những tài sản kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi giao cho doanh nghiệp quản lý theo hình thức tính thành vốn nhà nước tại doanh nghiệp nhưng tại thời điểm kiểm kê chưa chuyển giao cho doanh nghiệp thì thực hiện kiểm kê theo Đề án này.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát: Nắm được thực trạng của tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý về các mặt số lượng, giá trị, cơ cấu, hiện trạng sử dụng,... làm cơ sở để hoàn thiện chính sách, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; phục vụ việc xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; phục vụ công tác báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công, cung cấp thông tin để lập báo cáo tài chính nhà nước, báo cáo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định của pháp luật.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 hoàn thành công tác chuẩn bị phục vụ tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý.

b) Đến ngày 31 tháng 3 năm 2025 hoàn thành việc tổng kiểm kê.

c) Đến ngày 01 tháng 7 năm 2025 hoàn thành việc tổng hợp kết quả kiểm kê, xây dựng báo cáo tổng hợp về tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý trên phạm vi cả nước.

III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG

1. Phạm vi:

a) Tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý trên phạm vi cả nước, gồm:

- Tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định theo quy định tại Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính (trừ tài sản đặc biệt tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, tài sản thuộc danh mục bí mật nhà nước), gồm: Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp (bao gồm cả quyền sử dụng đất xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp); xe ô tô; tài sản cố định đặc thù; tài sản cố định khác.

- Tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý (không bao gồm tài sản do Nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí, nguyên vật liệu,... để đầu tư xây dựng), gồm:

+ Tài sản kết cấu hạ tầng giao thông: đường sắt, đường bộ, hàng không, đường thủy nội địa, hàng hải.

+ Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.

+ Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

+ Tài sản kết cấu hạ tầng thương mại là chợ.

+ Tài sản kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp, khu công nghiệp.

+ Tài sản kết cấu hạ tầng khu kinh tế.

+ Tài sản kết cấu hạ tầng khu công nghệ cao.

+ Tài sản kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung.

+ Tài sản kết cấu hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu là đê điều.

+ Tài sản kết cấu hạ tầng cảng cá.

+ Tài sản kết cấu hạ tầng thuộc thiết chế văn hóa, thiết chế thể thao ở cơ sở (cấp xã, cấp thôn), làng văn hóa.

+ Tài sản kết cấu hạ tầng kỹ thuật là không gian xây dựng ngầm đô thị.

b) Danh mục loại tài sản kiểm kê cụ thể theo Phụ lục kèm theo Quyết định này.

2. Đối tượng thực hiện kiểm kê:

a) Đối với tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công: Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và các tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị) đang quản lý, sử dụng tài sản công.

b) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý: Đối tượng (cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp và đối tượng khác) đang quản lý tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý.

IV. THỜI ĐIỂM VÀ NGUYÊN TẮC KIỂM KÊ

1. Thời điểm kiểm kê (Thời điểm chốt số liệu kiểm kê): 0h ngày 01 tháng 01 năm 2025.

2. Nguyên tắc kiểm kê:

a) Tài sản thuộc phạm vi kiểm kê do các đối tượng tại điểm 2 Mục III Đề án đang trực tiếp quản lý/tạm quản lý đều phải thực hiện kiểm kê, trừ các tài sản sau đây:

- Tài sản mà tại thời điểm kiểm kê đang trong quá trình đầu tư xây dựng, mua sắm, chưa hoàn thành đưa vào sử dụng; tài sản hình thành sau thời điểm kiểm kê.

- Tài sản đang được sử dụng để tham gia vào các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư; tài sản đang trong thời gian sử dụng để liên doanh, liên kết theo hình thức thành lập pháp nhân mới (trừ trường hợp pháp nhân mới là đơn vị sự nghiệp).

- Tài sản đã giao cho doanh nghiệp quản lý và tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Trường hợp tài sản là một hệ thống, trong đó có một phần đã giao cho doanh nghiệp quản lý và tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp mà không tách riêng được phần này thì thực hiện kiểm kê đối với cả hệ thống.

b) Việc kiểm kê được dựa trên việc kiểm đếm thực tế tài sản tại thời điểm kiểm kê; so sánh, đối chiếu với số liệu theo dõi, hạch toán trên sổ kế toán.

c) Đối với tài sản đang được theo dõi, hạch toán trên sổ kế toán nhưng tại thời điểm kiểm kê thực tế không còn tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thì cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang theo dõi, hạch toán tài sản có trách nhiệm xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền để xử lý tài sản phát hiện thiếu theo quy định của pháp luật có liên quan; không tổng hợp giá trị của các tài sản này vào giá trị tài sản kiểm kê.

d) Đối với các tài sản cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý, sử dụng thực tế tại thời điểm kiểm kê, việc xác định giá trị tài sản kiểm kê được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Đối với các tài sản đã được theo dõi trên sổ kế toán thì xác định giá trị tài sản theo nguyên giá và giá trị còn lại của tài sản trên sổ kế toán tại thời điểm kiểm kê.

- Đối với tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán thì cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý, tạm quản lý tài sản có trách nhiệm căn cứ vào các hồ sơ liên quan đến tài sản để xác định giá trị tài sản. Trường hợp đã có quy định về bảng giá hoặc giá quy ước thì sử dụng Bảng giá, giá quy ước đó và các thông tin về số năm đưa vào sử dụng, tỷ lệ khấu hao/hao mòn tài sản theo quy định để xác định nguyên giá tài sản và giá trị còn lại của tài sản. Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định nguyên giá, giá trị còn lại để phục vụ tổng kiểm kê.

- Đối với tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán và không có căn cứ để xác định giá trị tài sản theo điểm b khoản này thì xác định nguyên giá và giá trị còn lại của tài sản là 1 đồng. Nguyên giá và giá trị còn lại xác định là 1 đồng chỉ được sử dụng để phục vụ việc tổng kiểm kê. Sau khi hoàn thành việc kiểm kê, cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý, tạm quản lý tài sản có trách nhiệm đánh giá lại giá trị tài sản để thực hiện hạch toán theo quy định của pháp luật hiện hành.

đ) Việc tổng hợp kết quả kiểm kê được thực hiện theo nguyên tắc từ dưới lên trên; bắt đầu từ đối tượng trực tiếp quản lý/tạm quản lý tài sản tại thời điểm kiểm kê. Tài sản của cấp nào quản lý thì cấp đó có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức thực hiện kiểm kê và tổng hợp báo cáo.

V. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

1. Thành lập Ban chỉ đạo kiểm kê: Hoàn thành trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày Đề án được phê duyệt.

2. Khảo sát, xác định các chỉ tiêu kiểm kê; thực hiện kiểm kê thử nghiệm; ban hành văn bản hướng dẫn các chỉ tiêu kiểm kê, Biểu mẫu, cách thức tổng hợp kết quả kiểm kê: Hoàn thành trước ngày 01 tháng 7 năm 2024.

3. Xây dựng kế hoạch chi tiết kiểm kê: Hoàn thành trước ngày 01 tháng 7 năm 2024.

4. Tập huấn kiểm kê: Từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024.

5. Tổ chức thực hiện kiểm kê: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 3 năm 2025.

6. Tổng hợp kết quả kiểm kê: Hoàn thành trước ngày 31 tháng 7 năm 2025.

7. Báo cáo, công bố kết quả kiểm kê: Hoàn thành trước ngày 31 tháng 7 năm 2025.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Nguồn kinh phí thực hiện Đề án do ngân sách nhà nước bảo đảm từ nguồn chi thường xuyên theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành và nguồn kinh phí hợp pháp khác của đối tượng thực hiện kiểm kê và đơn vị tổng hợp báo cáo, trong đó:

a) Ngân sách trung ương bảo đảm các nhiệm vụ do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương thực hiện;

b) Ngân sách địa phương bảo đảm các nhiệm vụ do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương thực hiện;

c) Trường hợp đối tượng thực hiện kiểm kê và đơn vị tổng hợp báo cáo không thuộc đối tượng sử dụng ngân sách nhà nước thì đối tượng thực hiện kiểm kê và đơn vị tổng hợp báo cáo thực hiện chi trả từ nguồn kinh phí hợp pháp của mình.

2. Trường hợp phát sinh nhiệm vụ thực hiện Đề án sau khi dự toán ngân sách nhà nước được phê duyệt thì các bộ, cơ quan trung ương, địa phương thực hiện bổ sung dự toán theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Trường hợp chưa được phê duyệt bổ sung dự toán thì được tạm ứng từ nguồn kinh phí được phép sử dụng của đơn vị để chi trả.

3. Đối với các nội dung chi phục vụ cho công tác kiểm kê (công tác phí, hội nghị, hội thảo, tập huấn,....) đã có tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan, người có thẩm quyền quy định thì thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức và chế độ do cơ quan, người có thẩm quyền quy định. Đối với các nội dung chi chưa có tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan, người có thẩm quyền quy định thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp quyết định mức chi, bảo đảm phù hợp với chế độ quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

VII. SẢN PHẨM CỦA ĐỀ ÁN

1. Báo cáo kết quả tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý.

2. Bộ thông tin, số liệu tài sản công đối với tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý.

3. Hồ sơ công bố kết quả tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương có liên quan thực hiện:

a) Xây dựng, phê duyệt nội dung, kế hoạch chi tiết để thực hiện Đề án trên phạm vi cả nước.

b) Tổ chức ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện việc kiểm kê và tổng hợp kết quả kiểm kê.

c) Khảo sát, xác định các chỉ tiêu kiểm kê.

d) Hướng dẫn các chỉ tiêu kiểm kê, Biểu mẫu, cách thức tổng hợp kết quả kiểm kê và các nội dung cần thiết khác để thực hiện Đề án.

đ) Tổ chức tập huấn, hướng dẫn kiểm kê cho các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

e) Tổ chức kiểm tra, đôn đốc, đánh giá việc tổ chức thực hiện Đề án.

g) Tổng hợp kết quả kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước ngày 01 tháng 7 năm 2025, công bố kết quả tổng kiểm kê và kiến nghị biện pháp quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài sản công.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng chỉ tiêu kiểm kê đối với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp để phù hợp với nội dung Đề án kiểm kê đất đai.

3. Bộ quản lý ngành, lĩnh vực (Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thông tin và Truyền thông) có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tài chính:

a) Xây dựng, ban hành chỉ tiêu kiểm kê đối với tài sản kết cấu hạ tầng thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ.

b) Hướng dẫn các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ.

c) Các nhiệm vụ khác theo Đề án này.

d) Việc xác định bộ quản lý ngành, lĩnh vực thực hiện như sau:

- Bộ Giao thông vận tải: Tài sản kết cấu hạ tầng giao thông (đường sắt, đường bộ, hàng không, đường thủy nội địa, hàng hải).

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn; tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; tài sản kết cấu hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu là đê điều; tài sản kết cấu hạ tầng cảng cá.

- Bộ Công Thương: Tài sản kết cấu hạ tầng thương mại là chợ; tài sản kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Tài sản kết cấu hạ tầng khu công nghiệp; tài sản kết cấu hạ tầng khu kinh tế.

- Bộ Khoa học và Công nghệ: Tài sản kết cấu hạ tầng khu công nghệ cao.

- Bộ Thông tin và Truyền thông: Tài sản kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung.

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Tài sản kết cấu hạ tầng thuộc thiết chế văn hóa, thiết chế thể thao ở cơ sở (cấp xã, cấp thôn), làng văn hóa.

- Bộ Xây dựng: Tài sản kết cấu hạ tầng kỹ thuật là không gian xây dựng ngầm đô thị; tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị.

4. Các bộ, cơ quan trung ương (bao gồm cả các bộ quy định tại điểm 2, điểm 3 mục này):

a) Căn cứ tính chất, số lượng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định thành lập Ban Chỉ đạo kiểm kê của bộ, cơ quan trung ương do lãnh đạo bộ, cơ quan trung ương làm Trưởng ban để chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương.

b) Xây dựng, ban hành kế hoạch kiểm kê của bộ, cơ quan trung ương trên cơ sở nội dung, kế hoạch chi tiết do Bộ Tài chính ban hành.

c) Tổ chức tập huấn, hướng dẫn kiểm kê cho các đối tượng thực hiện kiểm kê thuộc bộ, cơ quan trung ương quản lý.

d) Tổng hợp kết quả kiểm kê tài sản thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương gửi Bộ Tài chính trước ngày 15 tháng 6 năm 2025.

đ) Các nhiệm vụ khác theo Đề án này.

5. Nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

a) Thành lập Ban Chỉ đạo kiểm kê của địa phương do lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương làm Trưởng ban, Sở Tài chính làm cơ quan thường trực để chỉ đạo, hướng dẫn việc kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư thuộc phạm vi quản lý của địa phương. Trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc thành lập Ban Chỉ đạo kiểm kê cấp huyện do lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện làm Trưởng ban, Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện làm cơ quan thường trực để chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc kiểm kê tài sản công của cấp huyện, cấp xã.

b) Xây dựng, ban hành kế hoạch kiểm kê của địa phương trên cơ sở nội dung, kế hoạch chi tiết do Bộ Tài chính ban hành.

c) Tổ chức tập huấn, hướng dẫn kiểm kê cho các đối tượng thực hiện kiểm kê thuộc địa phương quản lý.

d) Tổng hợp kết quả kiểm kê tài sản thuộc phạm vi quản lý của địa phương gửi Bộ Tài chính trước ngày 15 tháng 6 năm 2025.

đ) Các nhiệm vụ khác theo Đề án này.

6. Nhiệm vụ của đối tượng thực hiện kiểm kê có trách nhiệm:

a) Thành lập Tổ kiểm kê và thực hiện kiểm kê tài sản thuộc phạm vi kiểm kê do mình đang trực tiếp quản lý/tạm quản lý và chịu trách nhiệm về số liệu kiểm kê theo Đề án và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

b) Báo cáo kết quả kiểm kê cho cơ quan quản lý cấp trên (trong trường hợp có cơ quan quản lý cấp trên) trước ngày 15 tháng 4 năm 2025.

7. Nhiệm vụ của các cơ quan quản lý cấp trên (bao gồm cả cơ quan đại diện chủ sở hữu của doanh nghiệp):

a) Đôn đốc, hướng dẫn đối tượng thực hiện kiểm kê là cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp cấp dưới thực hiện kiểm kê;

b) Tổng hợp kết quả kiểm kê của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp cấp dưới để báo cáo cơ quan chịu trách nhiệm tổng hợp kết quả kiểm kê theo thời hạn do bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại kế hoạch kiểm kê của bộ, cơ quan trung ương, địa phương.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Lê Minh Khái

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (3).

PHỤ LỤC

DANH MỤC TÀI SẢN TỔNG KIỂM KÊ

(Kèm theo Quyết định số 213/QĐ-TTg ngày 01 tháng 03 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

A. Tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, gồm:

1.1. Đất

1.2. Nhà

1.3. Công trình điện chưa chuyển giao cho đơn vị điện lực

1.4. Công trình khác gắn liền với đất

2. Vật kiến trúc

3. Xe ô tô

4. Phương tiện vận tải khác (ngoài xe ô tô)

5. Máy móc, thiết bị

6. Cây lâu năm, súc vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm

7. Tài sản cố định đặc thù

8. Tài sản cố định hữu hình khác

9. Tài sản cố định vô hình (ngoài giá trị quyền sử dụng đất)

B. Tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý

1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt

1.1. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia

a) Đường sắt (đường chính tuyến, đường ngang, đường nhánh, đường ga).

b) Cầu đường sắt

c) Hầm đường sắt

d) Cống đường sắt

đ) Nền đường sắt

e) Ga đường sắt (nhà ga, kho ga, ke ga,...)

g) Hệ thống cấp, thoát nước

h) Hệ thống thông tin tín hiệu

i) Hệ thống cấp điện

k) Công trình, hạng mục khác

1.2. Tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị

a) Đường sắt (đường chính tuyến, đường ngang, đường nhánh, đường ga)

b) Cầu đường sắt

c) Nền đường sắt

d) Ga đường sắt (nhà ga, kho ga,...)

đ) Hệ thống thu tiền vé tự động (AFC)

e) Hệ thống thang máy, thang cuốn

g) Hệ thống thông tin tín hiệu

h) Công trình, hạng mục khác

2. Tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

2.1. Đường và tài sản, thiết bị chuyên dùng, công trình phụ trợ gắn liền với đường

2.2. Cầu đường bộ và tài sản, thiết bị chuyên dùng, công trình phụ trợ gắn liền với cầu đường bộ

2.3. Hầm đường bộ và tài sản, thiết bị chuyên dùng, công trình phụ trợ gắn liền với hầm đường bộ

2.4. Bến phà đường bộ và tài sản, thiết bị chuyên dùng, công trình phụ trợ gắn liền với bến phà đường bộ

2.5. Trạm kiểm tra tải trọng xe

2.6. Trạm thu phí đường bộ

2.7. Bến xe

2.8. Bãi đỗ xe

2.9. Nhà hạt quản lý đường bộ

2.10. Trạm dừng nghỉ

2.11. Kho bảo quản vật tư dự phòng

2.12. Trung tâm quản lý và giám sát giao thông (Trung tâm ITS)

a) Nhà quản lý hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin

b) Vật kiến trúc

c) Máy móc, thiết bị phụ trợ phục vụ hoạt động của Trung tâm ITS

2.13. Trung tâm cứu hộ, cứu nạn giao thông đường bộ

a) Nhà, công trình phục vụ cứu hộ, cứu nạn giao thông đường bộ

b) Vật kiến trúc phục vụ cứu hộ, cứu nạn giao thông đường bộ

c) Phương tiện, thiết bị phục vụ cứu hộ, cứu nạn giao thông đường bộ

2.14. Tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ khác

3. Tài sản kết cấu hạ tầng hàng không

3.1. Đường cất hạ cánh

3.2. Đường lăn

3.3. Công trình phục vụ bảo đảm an ninh hàng không, khẩn nguy sân bay (bốt gác, cổng/cửa, hàng rào khu bay, đường giao thông trong khu vực sân bay, hệ thống chiếu sáng,...)

3.4. Hệ thống thông tin tín hiệu bay

3.5. Tài sản kết cấu hạ tầng hàng không khác

4. Tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

4.1. Luồng chạy tàu thuyền

4.2. Âu tàu

4.3. Công trình đưa phương tiện qua đập, thác trên sông, kênh, rạch

4.4. Cảng thủy nội địa

4.5. Bến thủy nội địa

4.6. Khu neo đậu ngoài cảng

4.7. Kè, đập giao thông

4.8. Báo hiệu đường thủy nội địa

4.9. Các công trình, thiết bị phụ trợ (nhà trạm quản lý đường thủy nội địa; trạm AIS và hệ thống quản lý, giám sát, truyền dữ liệu kèm theo; thủy chí hoặc trạm đọc mức nước tự động;...)

4.10. Tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa khác

5. Tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải

5.1. Cầu cảng

5.2. Luồng hàng hải

5.3. Trụ sở, cơ sở dịch vụ, kho, bãi, nhà xưởng và các công trình phụ trợ khác trong khu vực bến cảng

5.4. Hệ thống thông tin giao thông, thông tin liên lạc và hệ thống điện, nước trong khu vực bến cảng

5.5. Đèn biển và nhà trạm gắn với đèn biển

5.6. Phao, tiêu và nhà trạm quản lý vận hành phao, tiêu

5.7. Hệ thống giám sát và điều phối giao thông hàng hải (VTS)

5.8. Đê chắn sóng, đê chắn cát, kè hướng dòng, kè bảo vệ bờ

5.9. Khu chuyển tải, khu neo đậu, khu tránh, trú bão trong vùng nước cảng biển

5.10. Nhà cửa, vật kiến trúc và các công trình phụ trợ, máy móc, trang thiết bị phục vụ trực tiếp cho hoạt động của hệ thống Thông tin duyên hải Việt Nam

5.11. Tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải khác

6. Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch

6.1. Hệ thống cấp nước tập trung hoàn chỉnh

6.2. Công trình khai thác nước

6.3. Công trình xử lý nước

6.4. Mạng lưới đường ống cung cấp nước sạch

6.5. Thiết bị đo đếm nước

6.6. Công trình phụ trợ có liên quan

7. Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

7.1. Đập (không bao gồm đập của hồ chứa nước)

7.2. Hồ chứa nước

7.3. Cống (không bao gồm cống của đập, cống của hồ chứa nước, cống dưới kênh, dưới đê)

7.4. Trạm bơm

7.5. Hệ thống dẫn, chuyển nước

7.6. Kè, bờ bao thủy lợi

7.7. Công trình phụ trợ phục vụ quản lý, khai thác thủy lợi (Nhà quản lý, đường quản lý, kho, bãi vật tư, thiết bị quan trắc, cột mốc chỉ giới, biển báo,...)

7.8. Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi khác

8. Tài sản kết cấu hạ tầng thương mại là chợ

8.1. Nhà lồng chợ và các công trình có mái che

8.2. Hệ thống kỹ thuật chợ

8.3. Công trình khác trong phạm vi chợ

9. Tài sản kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp

9.1. Nhà, công trình phục vụ quản lý trong cụm công nghiệp

9.2. Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật chung của cụm công nghiệp

9.3. Công trình khác trong phạm vi cụm công nghiệp

10. Tài sản kết cấu hạ tầng khu công nghiệp

10.1. Nhà, công trình phục vụ quản lý trong khu công nghiệp

10.2. Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật chung của khu công nghiệp

10.3. Công trình khác trong phạm vi khu công nghiệp

11. Tài sản kết cấu hạ tầng khu kinh tế

11.1. Nhà, công trình phục vụ quản lý trong khu kinh tế

11.2. Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật chung của khu kinh tế

11.3. Công trình khác trong phạm vi khu kinh tế

12. Tài sản kết cấu hạ tầng khu công nghệ cao

12.1. Nhà, công trình phục vụ quản lý trong khu công nghệ cao

12.2. Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật chung của khu công nghệ cao

12.3. Công trình khác trong phạm vi khu công nghệ cao

13. Tài sản kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung

13.1. Nhà, công trình phục vụ quản lý khu công nghệ thông tin tập trung

13.2. Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật chung của khu công nghệ thông tin tập trung

13.3. Hệ thống thiết bị gắn với công trình trong khu công nghệ thông tin tập trung

13.4. Công trình khác trong phạm vi khu công nghệ thông tin tập trung

14. Tài sản kết cấu hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu là đê điều

14.1. Đê

14.2. Kè bảo vệ đê

14.3. Cống qua đê

14.4. Công trình phụ trợ đê

15. Tài sản kết cấu hạ tầng cảng cá

15.1. Cầu cảng

15.2. Nhà, công trình phục vụ hoạt động của cảng cá

15.3. Khu neo đậu, khu chuyển tải

15.4. Luồng vào cảng cá

15.5. Tài sản kết cấu hạ tầng cảng cá khác.

16. Tài sản kết cấu hạ tầng thuộc thiết chế văn hóa, thiết chế thể thao, làng văn hoá

16.1. Thiết chế văn hóa, thiết chế thể thao

a) Trung tâm văn hóa thể thao cấp xã

b) Nhà văn hóa - khu thể thao cấp thôn

c) Thư viện công cộng cấp xã

16.2. Hệ thống hạ tầng trong làng văn hóa

a) Đường giao thông nội bộ

b) Tài sản kết cấu hạ tầng khác

17. Tài sản kết cấu hạ tầng kỹ thuật là không gian xây dựng ngầm đô thị

17.1. Công trình công cộng ngầm (không phải là phần ngầm của các công trình trên đất)

17.2. Công trình đường dây, cáp, đường ống kỹ thuật

17.3. Hào kỹ thuật

17.4. Tuynel kỹ thuật.